

Bản án: 163/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 08-10-2021.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA TỈNH LONG AN

-Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Quyên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Lin.

2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương - là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa (toà lạc tại Khu B, thị trấn Hậu Nghĩa) tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 334/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/4/2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H Chi Bu Tr, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông (vắng mặt).

Bị đơn: Anh A Kh, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp M, xã N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 19/3/2021 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr trình bày như sau: Chị và anh A Kh sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Chị và anh Kh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, anh Kh vay tiền ngân hàng để đầu tư tiền ảo dẫn đến thua lỗ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Sau nhiều lần hàn gắn không được nên năm 2019 chị chuyển đến thành phố Đà Nẵng sinh sống, anh Kh thì tìm việc làm ở tỉnh Long An. Sau đó, chị chuyển vào tỉnh Long An sống cùng với anh Kh nhưng vẫn phát sinh mâu

thuần nên chị trở về thành phố Đà Nẵng sinh sống. Chị và anh Kh sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn và cũng không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn anh Kh. Vì bận công việc nên chị xin vắng mặt tại các phiên xét xử của tòa án.

Về con chung: A Kham D, sinh ngày 12/3/2017. Con hiện đang sống với chị, sau khi ly hôn chị xin nuôi, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con. Chị có việc làm ổn định có thu nhập nên đủ điều kiện để nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn anh A Kh trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa như sau: Anh trình bày về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung như chị Tr đã trình bày. Anh và chị Tr chung sống không phát sinh mâu thuẫn, anh sống ở tỉnh Long An, chị Tr sống ở thành phố Đà Nẵng. Thỉnh thoảng, anh vẫn về thăm chị Tr. Anh và chị Tr phát sinh mâu thuẫn là do chị Tr yêu cầu anh một hoặc hai tuần phải về thăm chị Tr một lần, anh thì ở quá xa, điều kiện không cho phép anh thường xuyên về thăm chị Tr như mong muốn của chị Tr. Tháng 11 năm 2020 chị Tr có ý định ly hôn với anh. Đến tháng 02 năm 2021 anh nghe tin chị Tr có thai. Tháng 3 năm 2021, anh trực tiếp hỏi chị Tr thì được biết chị Tr mang thai với người khác và đang chung sống với người đó. Nay anh vẫn còn thương chị Tr, anh mong muốn chị Tr quay về chung sống để lo cho con nên chị Tr xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: A Kham D, sinh ngày 12/3/2017, con hiện đang sống với chị Tr, sau khi ly hôn anh xin nuôi, không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm ở bệnh viện, thu nhập của anh đủ điều kiện để nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả hỏi tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H Chi Bu Tr khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh A Kh, anh Kh hiện có hộ khẩu tạm trú tại xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý là thuộc thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Chị Tr có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H Chi Bu Tr và anh A Kh chung sống với nhau vào năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắc Kroong, huyện Đắc Song, tỉnh Đắk Nông nên hôn nhân giữa chị Tr và anh Kh được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống, chị Tr và anh Kh phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Tr xin ly hôn anh Kh. Ngược lại, anh Kh không đồng ý ly hôn.

[3] Xét thấy, chị Tr và anh Kh sống ly thân từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay, thời gian sống ly thân cũng đã lâu nhưng chị Tr và anh Kh không tự giải quyết được mâu thuẫn để vợ, chồng đoàn tụ nên chị Tr cương quyết xin ly hôn. Anh Kh mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn. Do đó, xét thấy hôn nhân giữa chị Tr và anh Kh đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị Tr xin ly hôn với anh Kh là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tr đối với anh Kh.

Con chung: A Kham D, sinh ngày 12/3/2017. Sau khi ly hôn chị Tr và anh Kh đều xin được quyền nuôi con. Xét thấy, cháu D từ khi chị Tr và anh Kh sống ly thân đến nay cháu sống ổn định với chị Tr, cháu phát triển bình thường, cháu còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ, chị Tr có thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi cháu nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao cháu D cho chị Tr nuôi là phù hợp.

Tài sản chung: Chị Tr và anh Kh khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Chị Tr và anh Kh khai không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Chị Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H Chi Bu Tr đối với anh A Kh về việc “ly hôn”.

Về quan hệ hôn nhân: Chị H Chi Bu Tr được ly hôn với anh A Kh.

Việc nuôi con: Chị Tr được quyền tiếp tục nuôi A Kham D, sinh ngày 12/3/2017, anh Kh không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị Tr không có yêu cầu. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Chị H Chi Bu Tr chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung công quỹ nhà nước, chị Tr được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0007842 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đức Hoà;
- TAND tỉnh Long An;
- UBND Đ, huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông;
- Lưu HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Quyên